

Số: 68/2023/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 08 tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI LĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg ngày 10 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước năm 2022;

Thực hiện Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ về việc ủy quyền quyết định giá đất cụ thể;

Căn cứ Kế hoạch số 160-KH/TU ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về việc biên chế giai đoạn 2022 - 2026 (gắn với lộ trình giảm biên chế);

Xét Tờ trình số 3283/TTr-UBND ngày 23 tháng 11 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 405/BC-BKTNS ngày 01 tháng 12 năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương cho thời kỳ 2022-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

1. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 7 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh làm chủ đầu tư.”.

2. Sửa đổi điểm z khoản 2 Điều 7 như sau:

“z) Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật.”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

a) Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ 3 điểm a khoản 1 Điều 8 như sau:

“- Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án: Trụ sở cấp xã, trường mầm non, trường tiểu học; Cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án: Trường trung học cơ sở, trạm y tế”.

b) Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 7 điểm a khoản 2 Điều 8 như sau:

“- Chi xác định giá đất cụ thể đối với các dự án do cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện; cấp xã làm chủ đầu tư.”.

4. Bổ sung tiết g vào sau tiết e điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 như sau:

“g) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của cơ quan hành chính, cụ thể như sau:

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô theo số lượng xe thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định. Cụ thể như sau:

+ Văn phòng Tỉnh ủy (không bao gồm các đơn vị dự toán trực thuộc), Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 140 triệu đồng/hợp đồng/năm;

+ Các cơ quan hành chính khác: 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo vệ; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan như sau:

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lễ tân, phục vụ, tạp vụ, bảo trì, bảo dưỡng, bảo vệ, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan đối với Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) là 500 triệu đồng/năm; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh là 900 triệu đồng/năm; Sở Xây dựng là 600 triệu đồng/năm.

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan hành chính cấp tỉnh (trừ Văn phòng Tỉnh ủy (đơn vị sử dụng ngân sách) và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy làm việc chung trong khuôn viên của Tỉnh ủy; Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Xây dựng và các cơ quan hành chính cấp tỉnh khác làm việc chung tại Trụ sở liên cơ quan; cơ quan hành chính trực thuộc cơ quan hành chính cấp tỉnh): 200 triệu đồng/đơn vị/năm.

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của các cơ quan còn lại (ngoài 02 trường hợp khoán kinh phí nêu trên): 100 triệu đồng/đơn vị/năm”.

5. Bổ sung tiểu tiết d vào sau tiểu tiết c tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“d) Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ của Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh, Trường phổ thông Dân tộc nội trú Đông Gia Lai: 560 triệu đồng/đơn vị/năm.”.

6. Sửa đổi quy định về định mức phân bổ chi đào tạo Trung cấp lý luận chính trị phân bổ theo số lớp đào tạo của Trường Chính trị tỉnh tại tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng/lớp/năm

STT	Ngành nghề đào tạo	Định mức phân bổ
II	Trường Chính trị tỉnh	
1	Trung cấp lý luận chính trị	120

7. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 8 tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Khoản kinh phí để chi trả chế độ dạy thêm giờ do vượt quá định mức giờ giảng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08 tháng 3 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm

giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập đối với trường hợp số lớp thực tế vượt quá số lớp theo định mức của số lượng biên chế được giao.”

8. Bổ sung nội dung vào trước gạch đầu dòng thứ 6 tiết 2.2.5 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 như sau:

“- Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ đối với đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên, cụ thể như sau:

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc lái xe ô tô theo số lượng xe thực tế tại thời điểm xây dựng dự toán nhưng không vượt quá số lượng xe ô tô theo tiêu chuẩn, định mức quy định: 120 triệu đồng/hợp đồng/năm.

+ Khoản kinh phí thực hiện ký kết hợp đồng đối với hợp đồng thực hiện công việc bảo vệ, phục vụ, tạp vụ của Bảo tàng tỉnh: 1.800 triệu đồng/năm; Trung tâm Bảo trợ xã hội tổng hợp tỉnh là 600 triệu đồng/năm; Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh, Cơ sở tư vấn và cai nghiện ma túy, Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh: 300 triệu đồng/năm; Nhà hát ca múa nhạc tổng hợp Đam San: 200 triệu đồng/năm; đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khác: 100 triệu đồng/năm”.

9. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 3.2.1 điểm 3.2 khoản 3 Điều 11 như sau:

“- Cho các di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng theo quyết định của tỉnh và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm (kể cả di tích nằm trong quần thể di tích, mỗi di tích được phân bổ 100 triệu đồng/di tích/năm)”.

10. Sửa đổi nội dung gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 thành mục 3.7.3 như sau:

“3.7.3. Phân bổ bổ sung kinh phí thực hiện chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố; kinh phí hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

- Phân bổ theo mức khoán quy định hiện hành của Trung ương, kinh phí do ngân sách trung ương đảm bảo.

- Kinh phí do ngân sách địa phương đảm bảo (kinh phí tăng thêm theo mức chi do Hội đồng nhân dân tỉnh quy định so với mức khoán theo quy định hiện hành của trung ương): Ngân sách cấp tỉnh đảm bảo 30%; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố đảm bảo 70%”.

11. Sửa đổi tiết c điểm 3.14 khoản 3 Điều 11 như sau:

“c) Di tích lịch sử - văn hóa; di tích thắng cảnh được xếp hạng theo quyết định của tỉnh và được giao cho cấp huyện, cấp xã quản lý để duy tu, sửa chữa: 100 triệu đồng/di tích/năm (kể cả di tích nằm trong quần thể di tích, mỗi di tích được phân bổ 100 triệu đồng/di tích/năm)”.

Điều 2. Bổ sung, bãi bỏ một số cụm từ, điều của Quy định kèm theo Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND

1. Bỏ cụm từ “(kể cả hợp đồng được giao)” tại tiết a điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
2. Bỏ cụm từ “hợp đồng” tại gạch đầu dòng thứ nhất và gạch đầu dòng thứ ba tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
3. Bỏ nội dung “và Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập” tại tiết d điểm 1.1 khoản 1 Điều 11.
4. Bổ sung nội dung “(kể cả Trường Trung học cơ sở và Trung học phổ thông)” vào sau cụm từ “Chi sự nghiệp giáo dục trung học phổ thông” tại tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.
5. Bỏ nội dung “lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ về thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp, Nghị định số 161/2018/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và” tại gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.1 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ nhất tiểu tiết b tiết 2.2.2 điểm 2.2 khoản 2 Điều 11.
6. Bãi bỏ gạch đầu dòng thứ 6 tiết b điểm 1.1 khoản 1 Điều 11 và gạch đầu dòng thứ 3 tiểu tiết b tiết 3.6.1 điểm 3.6 khoản 3 Điều 11.
7. Tại điểm h khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 12 thay thế cụm từ “phê duyệt” thành cụm từ “quyết định”.
8. Tại tiểu tiết a tiết 3.7.1 và tiểu tiết a tiết 3.7.2 điểm 3.7 khoản 3 Điều 11 thay thế cụm từ “được duyệt” thành cụm từ “được giao”.
9. Bãi bỏ Điều 13.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Bổ sung gạch đầu dòng thứ 6 vào điểm a khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 86/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phân định các nhiệm vụ chi về tài nguyên môi trường trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau: “- Thực hiện xác định giá đất cụ thể.”.
2. Sửa đổi khoản c Điều 8 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh về ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai như sau:

“c) Xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án: Trụ sở cấp xã, trường mầm non, trường tiểu học; Cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án: Trường trung học cơ sở, trạm y tế”.

3. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

4. Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

5. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai Khóa XII, Kỳ họp thứ Mười lăm thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023 và có hiệu lực từ ngày 18 tháng 12 năm 2023. 

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL thuộc Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên